

Số: 148 /KH-UBND

Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH

Duy trì, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) thành phố Hải Phòng năm 2024

Năm 2023, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của thành phố tiếp tục duy trì xếp hạng vị trí thứ 2/63 tỉnh, thành phố với kết quả đạt 91,87 điểm (tăng 1,78 điểm so với năm 2022); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của thành phố xếp hạng vị trí thứ 5/63 tỉnh, thành phố với kết quả đạt 88,90% (tăng 5,02% so với năm 2022). Tuy nhiên, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) của thành phố hiện chỉ đạt 42,1143/80 điểm (giảm 1,4892 điểm so với năm 2022) và xếp vị trí thứ 2 trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình thấp (giảm thứ hạng so với năm 2022).

Để tiếp tục duy trì, nâng cao Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS và cải thiện Chỉ số PAPI của thành phố trong năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cải thiện, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nội dung của Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2024.

- Duy trì và nâng cao những nội dung của Chỉ số PAR Index đã đạt được kết quả và điểm số tốt. Phấn đấu năm 2024, Chỉ số PAR Index tiếp tục duy trì đạt kết quả cao; Chỉ số SIPAS đạt trên 90%, xếp trong nhóm tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước; Chỉ số PAPI được cải thiện và xếp trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, địa phương, các cơ quan chủ trì các nội dung lĩnh vực được phân công, đánh giá đúng thực trạng, kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến việc xác định Chỉ số PAR Index của thành phố.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về cải cách hành chính¹.

- Có biện pháp khắc phục tồn tại hạn chế theo các chỉ số và tập trung cao tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ để duy trì, cải thiện Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI thành phố Hải Phòng năm 2024.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; huy động sự tham gia vào cuộc của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai xác định Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Đối với Chỉ số PAR Index và Chỉ số SIPAS

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Đối với Chỉ số PAPI

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị và địa phương

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nếu không thực hiện nhiệm vụ hoặc thực hiện không bảo đảm yêu cầu của tiêu chí đánh giá, để bị trừ điểm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI của thành phố.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; kết quả thực hiện phải được đánh giá qua các chỉ số và số liệu cụ thể.

- Thực hiện đảm bảo 100% tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn, nâng cao tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trước hạn. Cập nhật đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố; nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến toàn trình.

¹ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 23/9/2021 của UBND thành phố thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2021-2025); Quyết định số 4791/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước thành phố năm 2024; Công văn số 26/UBND-BCĐCCHC ngày 15/3/2023 của Ban Chỉ đạo CCHC thành phố về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính năm 2024.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá các phòng chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn quản lý thực hiện bảo đảm hiệu quả, thiết thực.

- Thực hiện bố trí, sắp xếp, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

- Chỉ đạo thực hiện đối với 8 nội dung đánh giá của Chỉ số PAPI, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ sau: Việc tham gia của người dân cấp cơ sở; Công khai, minh bạch; Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công và Quản trị môi trường.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

- Kiểm tra việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương; công khai quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về công tác cải cách hành chính.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện bảo đảm 100% số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

- Thường xuyên kiểm tra trực tuyến việc công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố.

- Đồng bộ dữ liệu đầy đủ, chính xác, thường xuyên, liên tục giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí, hệ thống đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền rộng rãi về dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích để người dân và doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cho UBND thành phố các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường; đạt 100% các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và đạt tỷ lệ tăng tổng sản phẩm (GRDP) của thành phố năm 2024 cao hơn so với năm 2023;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đạt tối thiểu 95%.

6. Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, Chuyên đề An ninh Hải Phòng

Tăng cường thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính của thành phố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Sở Nội vụ

- Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện Kế hoạch duy trì, cải thiện Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI của thành phố năm 2024.

- Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nếu không thực hiện nghiêm túc các tiêu chí của Bộ Chỉ số; tham mưu, đề xuất khen thưởng đối với các cơ quan, địa phương, cá nhân thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính của thành phố.

Trên đây là Kế hoạch duy trì, cải thiện Chỉ số PAR Index, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI thành phố Hải Phòng năm 2024; Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, địa phương nghiêm túc tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TTTU, TT H&NDTP;
- UBMTTQVN TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- UBND các xã, phường (UBND cấp huyện sao gửi);
- Đài PTTHHP, Báo HP, CĐ ANHP;
- CVP, PCVP Tr.V.Thiện;
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS, HCTC;
- Công TT&TTP;
- Lưu: VT, KSTTHC4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

Phụ lục I

NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX), CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG SỰ HÀI LÒNG (SIPAS)

(Kèm theo Kế hoạch số 148 /KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)						
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC năm	Xác định đầy đủ 06 nội dung CCHC theo quy định của Chính phủ	Hoàn thành 100% Kế hoạch	Trong quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kế hoạch CCHC của UBND thành phố
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ						
	Báo cáo định kỳ về CCHC	Quý I; 6 tháng; Quý III; Cả năm	Đúng thời gian quy định	- Quý I: Trước ngày 21/3; - 6 tháng: Trước ngày 21/6; - Quý III: Trước ngày 21/9; - Cả năm: Trước ngày 21/12.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC định kỳ của UBND thành phố
1.3	Kiểm tra công tác CCHC						
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	Cả năm	Đạt từ 30 % trở lên	Quý IV/2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Kế hoạch kiểm tra, Quyết định Thành lập đoàn; Biên bản; Kết luận kiểm tra.
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Cả năm	100 % số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.	Quý IV/2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo kết quả kiểm tra; Báo cáo khắc phục kết quả kiểm tra

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	Kế hoạch tuyên truyền CCHC					
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC	Hoàn thành 100% kế hoạch	Trước ngày 20/12/2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện; Đài PT-TH Hải Phòng; Báo Hải Phòng	Kế hoạch tuyên truyền CCHC của UBND thành phố
1.4.2	Mức độ đa dạng hóa trong tuyên truyền CCHC		Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thông và các hình thức tuyên truyền khác về CCHC.				Báo cáo của UBND thành phố
1.5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	Có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC trở lên được UBND thành phố công nhận	Là giải pháp lần đầu tiên được áp dụng; đã và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của thành phố	Trong năm 2024	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Quyết định công nhận sáng kiến của UBND thành phố
1.6	Đối thoại giữa lãnh đạo thành phố với người dân, doanh nghiệp	Có từ 02 - 03 cuộc đối thoại/diễn đàn được tổ chức trong năm	Ban hành các văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp. 100% kiến nghị, đề xuất được giải quyết	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các văn bản của UBND TP; Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố
1.7	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm		Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ						
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật (THPL)	Thực hiện đầy đủ các hoạt động theo dõi tình hình THPL theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ- CP; số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, gồm: Xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật; Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành; Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật	Đảm bảo tiến độ và quy định	Trong năm 2024	Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì tại Kế hoạch và các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật; Văn bản, Kế hoạch, Báo cáo, đề xuất xử lý; Hội nghị, hội thảo, điều tra, khảo sát...

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Căn cứ kết quả hoạt động theo dõi tình hình THPL thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình THPL và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình THPL hàng năm, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ- CP), Điều 7 Thông tư số 04/2021/TT-BTP	Ban hành đầy đủ Báo cáo/văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình THPL theo thẩm quyền	Trong năm 2024	Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì tại Kế hoạch và các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; cơ quan, đơn vị khác có liên quan	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật; Quyết định, thông báo kết l luận kiểm tra; kiến nghị, đề xuất...
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	Các văn bản công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Công bố kịp thời, đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Các văn bản công bố danh mục văn bản QPPL
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, kiến nghị	Các văn bản xử lý VBQPPL trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	Từ 70% - 100% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý	Trong năm 2024	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo công tác tư pháp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
2.4	Kết quả điều tra xã hội học (XHH) về đánh giá tác động của CCHC đến chất lượng văn bản quy phạm pháp luật do thành phố ban hành	Tính đồng bộ, thống nhất; tính hợp lý; tính khả thi và tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thành phố	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Sở Tư pháp; Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Kết quả điều tra XHH
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH						
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	TTHC ban hành đúng thẩm quyền, không có TTHC ban hành trái thẩm quyền	100 % TTHC ban hành đúng thẩm quyền	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ						
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC theo quy định.	Các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố phải được ban hành đầy đủ, kịp thời theo quy định	100% số TTHC và danh mục TTHC công bố theo quy định	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND thành phố đôn đốc, kiểm soát chất lượng	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
3.2.2	Công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố, tại Bộ phận Một cửa các cấp	- Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố; Cổng Thông tin điện tử của thành phố được công khai đầy đủ, kịp thời; - Cổng Thông tin điện tử của các sở, ngành; UBND cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị mình; - Bộ phận một cửa các cấp; - Niêm yết công khai TTHC	100% TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Văn phòng UBND thành phố thực hiện đối với Cổng dịch vụ công quốc gia; các sở, ban, ngành, UBND các cấp thực hiện đối với Cổng TTĐT	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.2.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố	TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố	100% số cơ quan chuyên môn cấp thành phố; UBND cấp huyện; UBND cấp xã đã công khai đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố về tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của thành phố
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa.	Thực hiện quy định tại ND 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP	100% TTHC cấp thành phố, huyện, xã được giải quyết tại Bộ phận một cửa	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	Thực hiện danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019	100% TTHC trong danh mục được đưa ra tại Bộ phận một cửa các cấp	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã; cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương	Văn phòng UBND thành phố; UBND cấp huyện, cấp xã	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	Lập danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC	Từ 50 TTHC trở lên	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.3.4	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	Lập danh mục TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau. Trong đó, nêu rõ cơ quan chủ trì, đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC, cơ quan phối hợp trong quy trình giải quyết đối với từng TTHC	Từ 30 TTHC trở lên	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.4	Kết quả giải quyết TTHC						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn thành phố tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn thành phố tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	Trong năm 2024	UBND cấp huyện	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	Trong năm 2024	UBND cấp xã	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	100% TTHC trễ hẹn được xin lỗi đầy đủ, đúng quy định	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	Thực hiện quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP	Từ 80% - 100% cơ quan chuyên môn UBND thành phố; UBND cấp huyện; UBND xã được đánh giá tốt trở lên	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố	Thống kê tất cả PAKN trong năm về TTHC do thành phố tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp nhận, yêu cầu thành phố giải quyết	100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của thành phố	Các PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	100% số PAKN được xử lý, trả lời	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND thành phố	Báo cáo CCHC; Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của UBND thành phố
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH						
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị						
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố và phòng chuyên môn cấp huyện	Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các Nghị định của Chính phủ, các hướng dẫn của Bộ Nội vụ	100 % số cơ quan chuyên môn thành phố, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC; Báo cáo chuyên đề

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP; ND 107/2020/NĐ-CP và các văn bản có liên quan	100% số sở và tương đương có cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng tiêu chí do Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định; 100% phòng thuộc sở và tương đương; phòng thuộc huyện có cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng tiêu chí	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC; Báo cáo chuyên đề; danh mục thống kê số biên chế được giao và số lượng cấp phó của từng phòng chuyên môn thuộc sở; phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	Thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố, thuộc sở, ban, ngành thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	Giảm 10% so với năm 2021	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế						
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Số lượng biên chế hành chính của thành phố đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố.	Thống kê tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố so với tổng số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố được cấp có thẩm quyền giao theo quy định	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC
4.3	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước						
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực	Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC; báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước
4.3.2	Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ	Có thực hiện	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nội dung đã phân cấp

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nội dung đã phân cấp
4.4	Kết quả điều tra XHH về đánh giá tác động của CCHC đến tổ chức bộ máy của thành phố	Tính hợp lý trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của thành phố; tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa thành phố và quận, huyện; tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND thành phố	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kết quả điều tra XHH
5	CẢI CÁCH CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC						
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm						
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	Thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành các văn bản để hoàn thiện các quy định về vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh đối với các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương	100% các cơ quan, tổ chức ban hành đầy đủ, kịp thời	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Các văn bản về hoàn thiện về vị trí việc làm

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
5.1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Các cơ quan, tổ chức hành chính của thành phố phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí	100% số cơ quan, tổ chức thực hiện đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo CCHC
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố (Chỉ tính đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố, thuộc sở, ban, ngành thành phố) phải thực hiện đúng các quy định	100% đơn vị thực hiện đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành	Báo cáo CCHC
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức						
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.	Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành	100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo CCHC; các văn bản trong quá trình thực hiện tuyển dụng

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố	Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Chỉ tính đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố, thuộc phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành	100% số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành	Báo cáo CCHC
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý	Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.	100% số lãnh đạo sở và tương đương; số lãnh đạo phòng thuộc sở và tương đương; số lãnh đạo phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Các quyết định bổ nhiệm
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Thực hiện tốt việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định	Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan nhà nước thành phố, cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Báo cáo tình hình cán bộ, CCVC
5.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
5.5.1	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	Nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch	100% nhiệm vụ hoàn thành	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB CCVC; Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng
5.6	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	Cán bộ, CC cấp xã phải đáp ứng các tiêu chuẩn về tuổi, trình độ lý luận chính trị, trình độ học vấn và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định	100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo CCHC
5.7	Kết quả điều tra XHH về tác động của CCHC đến quản lý cán bộ, công chức	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức; Công khai, minh bạch trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức. Tác động của CCHC đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc; tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc; tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi; tính hiệu quả trong thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kết quả điều tra XHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG						
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách						
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	Giải ngân 95% trở lên so với kế hoạch	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện,	Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách NN của thành phố
6.1.2	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước	Không có sai phạm được phát hiện trong năm	100% các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện,	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại thành phố
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước và tài chính ngân sách	Tổng số kiến nghị được Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước hoặc cơ quan Trung ương có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại thành phố trong 02 năm gần nhất	100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán được thực hiện	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện,	Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của thành phố
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công						
6.2.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Đúng quy định	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Bảng thống kê danh mục các cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng phải ban hành quy chế

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
6.2.2	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	Thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành	100% các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành	Thực hiện 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất kèm theo văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố						
6.3.1	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	Trong năm đánh giá, có thêm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố hoặc thuộc cơ quan chuyên môn thành phố được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại)	Số đơn vị tăng so với năm 2023	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của thành phố

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
6.3.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Trong năm đánh giá, có thêm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố hoặc thuộc cơ quan chuyên môn thành phố được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại)	Số đơn vị tăng so với năm 2023	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của thành phố
6.3.3	Thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Số đơn vị sự nghiệp công lập (Chỉ tính đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố, thuộc cơ quan chuyên môn thành phố đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính) thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	Không có đơn vị phát hiện sai phạm trong năm	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của thành phố
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	Đạt tỷ lệ 10% giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn TP trong năm được đánh giá so với năm 2021	Giảm 10% so với năm 2021	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của thành phố

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
6.4	Kết quả điều tra XHH về đánh giá tác động của CCHC đến quản lý tài chính công	Nâng cao tính hiệu quả của việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị; tính hiệu quả của việc sử dụng tài sản công; tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghị công lập	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành	Kết quả điều tra XHH
7	XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ						
7.1	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu						
7.1.1	Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông	Tổ chức triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc theo quy định	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của UBND thành phố
7.1.2	Triển khai trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, tiêu chí kỹ thuật theo quy định	Tích hợp, kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo quy định	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của UBND thành phố
7.1.3	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP)	Các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP)	100% số dịch vụ dữ liệu có trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được đưa vào sử dụng chính thức	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của UBND thành phố

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
7.2	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước						
7.2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại thành phố	Các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện hiệu quả việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	Tối thiểu 80% hồ sơ công việc cấp thành phố, 50 % hồ sơ công việc cấp huyện được trao đổi dưới dạng điện tử, trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ công việc có nội dung mật)	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT
7.2.2	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	Các văn bản của các cơ quan thuộc UBND thành phố, cấp huyện, cấp xã được thực hiện gửi nhận dưới dạng điện tử	100% các sở, ban, ngành của thành phố; 100% UBND cấp huyện; trên 80% UBND cấp xã có tỷ lệ gửi nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT
7.2.3	Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo của thành phố	Các chức năng, yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT
7.3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức						
7.3.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Cổng TTĐT của thành phố đáp ứng đầy đủ các chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Đạt yêu cầu quy định	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
7.3.2	Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố đảm bảo đầy đủ chức năng, kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia	100% các cơ quan thuộc UBND thành phố, cấp huyện, cấp xã sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin một cửa	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT
7.3.3	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC	100% hồ sơ tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp được số hóa	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT
7.3.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Số dịch vụ công trực tuyến toàn trình của thành phố được tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia	Đạt yêu cầu quy định	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT của UBND thành phố
7.3.5	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá.	Đạt yêu cầu quy định	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT
7.3.6	Thực hiện thanh toán trực tuyến	Số TTHC được thanh toán trực tuyến; TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến và hồ sơ thanh toán trực tuyến	Đạt yêu cầu quy định	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT
7.4	Kết quả điều tra XHH về tác động của CCHC đến chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của thành phố	Tính kịp thời; mức độ đầy đủ; mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng thông tin điện tử của thành phố	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Kết quả điều tra XHH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
8	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KT-XH						
8.1	Mức độ thu hút đầu tư của thành phố	Tổng số vốn thu hút đầu tư của TP trong năm (đơn vị tính là: tỷ đồng)	Cao hơn so với năm 2023	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm
8.2	Mức độ phát triển doanh nghiệp của thành phố						
8.2.1	Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường	Tăng so với năm trước liền kề	Tăng từ 25-30% trở lên so với năm 2023	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm
8.2.2	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp (bao gồm cả số vốn đăng ký mới và đăng ký bổ sung) tăng so với năm trước liền kề	Tăng so với năm trước liền kề	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm
8.2.3	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách của doanh nghiệp	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách thành phố của khu vực doanh nghiệp trong năm đánh giá tăng hơn so với năm trước liền kề	Tăng so với năm trước liền kề	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm
8.3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của thành phố theo Kế hoạch được Chính phủ giao	Thu ngân sách của thành phố trong năm đánh giá theo chỉ tiêu được Chính phủ giao	Duy trì trong топ 05 địa phương cao nhất cả nước	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm
8.4	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND thành phố giao	Chỉ tiêu KT-XH của thành phố đạt, vượt do HĐND thành phố giao tại Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội đầu năm	100% chỉ tiêu phát triển KT-XH đạt và vượt	Trong năm 2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong năm

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
8.5	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2024						
8.5.1	Việc ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách	Ban hành các chính sách phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đúng quy định pháp luật; tổ chức thực hiện đảm bảo 100% nhiệm vụ đề ra	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.		Kết quả đo lường sự hài lòng
8.5.2	Cung ứng dịch vụ hành chính	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến toàn trình và đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất Bộ phận một cửa các cấp	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Kết quả đo lường sự hài lòng
8.5.3	Thủ tục hành chính	Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC, thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện TTHC	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Kết quả đo lường sự hài lòng
8.5.4	Sự phục vụ của công chức	Nâng cao năng lực của công chức; cải thiện tinh thần phục vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức đúng chuẩn mực quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Kết quả đo lường sự hài lòng

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện	Sản phẩm đầu ra
8.5.5	Kết quả giải quyết TTHC	Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; giảm thời gian đi lại của tổ chức, cá nhân	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Kết quả đo lường sự hài lòng
8.5.6	Giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN)	100% các cơ quan kịp thời giải quyết PAKN và công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đúng quy định	Đạt từ 90% trở lên	Trong năm 2024	Văn phòng UBND thành phố	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	Kết quả đo lường sự hài lòng

Phụ lục II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NỘI DUNG CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI)

(Kèm theo Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Nội dung chỉ số/chỉ số thành phần	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp/ thực hiện
1.	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở				
1.1	Tri thức công dân	- Thường xuyên, chủ động tuyên truyền, phổ biến và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. - Đảm bảo mọi người dân đều nắm rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. - Thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. - Nâng cao hiểu biết của người dân về cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước, hoạt động của chính quyền cơ sở và các vị trí lãnh đạo dân cử.	- Thực hiện tuyên truyền trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã, Bảng tin công cộng, Bản tin thông tin cơ sở... - Các thôn/Tổ dân phố tuyên truyền qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Nội vụ: UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp xã; thôn, tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở
1.2	Cơ hội tham gia bầu cử (thôn, tổ dân phố)	Tuyên truyền để người dân nắm được các quy định về: - Một số quy định cơ bản của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân như quyền và nghĩa vụ của cử tri khi tham gia bầu cử. - Quy trình, cách thức bầu cử, giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố... - Tập trung tuyên truyền về ngày bầu cử	- Thực hiện tuyên truyền trên Đài truyền thanh cấp xã, Bảng tin công cộng, Bản tin thông tin cơ sở... - Tuyên truyền qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Nội vụ: UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp xã; thôn, tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở

		(trưởng thôn/ tổ dân phố), thông tin về các ứng cử viên phải được niêm yết công khai; nghiêm cấm việc chính quyền gợi ý bầu cho một ứng cử viên cụ thể; - Thực hiện niêm yết công khai kết quả bầu cử.			
1.3	Chất lượng bầu cử trưởng thôn, tổ trưởng dân phố	Thông tin, tuyên truyền để người dân nắm được các quy định về: - Phải có từ hai ứng cử viên trở lên để bầu trưởng thôn/tổ dân phố; - Cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn/tổ dân phố đều được mời đi bầu cử; - Việc bầu cử được tổ chức theo hình thức bỏ phiếu kín; - Danh sách người trúng cử trưởng thôn/tổ dân phố được niêm yết công khai.	- Thực hiện tuyên truyền trên Đài truyền thanh cấp xã, Bảng tin công cộng, Bản tin thông tin cơ sở... - Tuyên truyền qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Nội vụ; UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp xã; thôn, tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở
1.4	Đóng góp tự nguyện	- Thực hiện đúng các quy định về huy động sự đóng góp tự nguyện. - Thực hiện công khai danh mục các dự án, các công việc cần kêu gọi người dân cùng tham gia đóng góp tự nguyện; lấy ý kiến người dân đối với việc tham gia đóng góp tự nguyện để thực hiện nhiệm vụ, dự án công cộng. - Thông tin để người dân biết khi tham gia đóng góp tự nguyện công trình công cộng ở xã, phường, thị trấn nơi sinh sống thì có quyền tham gia ý kiến trong quá trình thiết kế, tham gia vào việc quyết định và tham gia giám sát xây mới, tu sửa công trình công cộng ở xã, phường, thị trấn do mình	- Thực hiện công khai trên Đài truyền thanh cấp xã, Bảng tin công cộng, Bản tin thông tin cơ sở... - Công khai qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý. - Phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng	Sở Tài chính; UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp xã; thôn/tổ dân phố, Ban thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng

		đóng góp. - Đóng góp của người dân được ghi chép vào sổ sách của xã, phường, thị trấn. - Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới, tu sửa công trình.			
2.	Công khai minh bạch trong hoạt động chính sách				
2.1	Tiếp cận thông tin	- Chủ động cung cấp thông tin cho người dân về chính sách pháp luật của địa phương mình; các thông tin cung cấp phải đảm bảo sự tin cậy, nhanh chóng, kịp thời, giúp người dân tránh được những luồng thông tin không chính thống, những thông tin sai trái của các thế lực thù địch, chống phá chính quyền...	- Thực hiện cung cấp thông tin trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã Bảng tin công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở - Thông qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp xã; thôn/tổ dân phố
2.2	Công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo	- Thực hiện đúng các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, quy trình để chọn hộ nghèo. - Thông tin cho người dân biết về chuẩn nghèo ở đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh; công khai danh sách hộ nghèo và các chế độ, chính sách của hộ nghèo được hưởng. - Rà soát bổ sung những hộ thực tế rất nghèo nhưng chưa đưa vào danh sách hộ nghèo và đưa ra khỏi danh sách những hộ thực tế không nghèo hoặc đã thoát nghèo; đồng thời thông tin kịp thời cho dân biết.	- Tổ chức họp dân. - Thực hiện công khai trên Đài truyền thanh cấp xã, Bảng tin công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở... - Công khai qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp xã; thôn/tổ dân phố
2.3	Công khai, minh bạch ngân sách xã,	- Thực hiện đúng các quy định về thu, chi ngân sách cấp xã.	- Thực hiện công khai trên Đài truyền thanh cấp xã, Bảng tin	Sở Tài chính, UBND cấp	UBND cấp xã; thôn/tổ dân phố

	phường, thị trấn	- Công bố công khai thu chi ngân sách cấp xã đảm bảo tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố.	công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở... - Công khai qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	huyện, cấp xã	
2.4	Công khai minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giá đất	- Thực hiện việc lấy ý kiến đóng góp của người dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chính quyền địa phương tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân. - Thông tin cho người dân biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của cấp xã, cấp huyện, cấp thành phố bằng nhiều hình thức. - Công tác thu hồi, đền bù đảm bảo đúng quy định: Khi bị thu hồi đất, hộ gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất; đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu. - Công khai Bảng giá đất hàng năm sau khi UBND thành phố ban hành.	- Thực hiện công khai trên Đài truyền thanh cấp xã, niêm yết tại trụ sở UBND cấp huyện, cấp xã, tại Bảng tin công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở... - Công khai qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp xã; thôn/tổ dân phố
3.	Trách nhiệm giải trình với người dân				
3.1	Tiếp xúc với chính quyền	- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm giải trình trước người dân; khi người dân liên hệ với cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn, với trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố để giải quyết khúc mắc thì cần phải được phúc đáp kịp thời, giải đáp thỏa đáng. - Nâng cao chất lượng và hiệu quả các buổi	- Thông báo danh sách trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, đại biểu HĐND cấp xã, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn phụ trách địa bàn để người dân liên hệ khi cần thiết. - Thường xuyên tổ chức đối	UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã

		làm việc, đối thoại giữa chính quyền với nhân dân, các cuộc tiếp xúc cử tri, tiếp dân...	thoại với người dân.		
3.2	Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân	- Tập trung giải trình kịp thời, hiệu quả những vướng mắc, khiếu nại, tố cáo của công dân; tăng cường hòa giải ở cơ sở, tránh để người dân bức xúc, bị kích động, lợi dụng tụ tập đông người, khiếu nại vượt cấp. - Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết tốt những khúc mắc của người dân.	Triển khai thực hiện tốt Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân.	Thanh tra thành phố, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã
3.3.	Tiếp cận dịch vụ tư pháp	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật tới người dân, đẩy mạnh các mô hình, hoạt động trợ giúp pháp lý. - Giới thiệu, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ người dân tiếp cận các dịch vụ tư pháp khi người dân có nhu cầu. - Khuyến khích sử dụng cơ chế tòa án và các cơ quan tư pháp để giải quyết các tranh chấp dân sự.	Phát huy vai trò của công chức tư pháp cấp xã, hòa giải viên ở cơ sở.	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã
4.	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công				
4.1	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương	- Tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất về kỷ cương hành chính, thực thi công vụ; sử dụng và quản lý ngân sách, công quỹ; giải quyết thủ tục hành chính. - Kiểm tra việc thực hiện kết luận các cuộc thanh tra, kiểm tra trước đây; kiến nghị xử lý nghiêm đối với các trường hợp tái phạm hoặc chậm khắc phục, không thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.	Công khai kết quả xử lý tham nhũng, kết luận thanh tra, kiểm tra cho người dân	Thanh tra thành phố, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã

4.2	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công y tế, giáo dục	- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Khám chữa bệnh; tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin của người dân đối với chất lượng, thái độ phục vụ của các cơ sở y tế; xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực; thông tin, công khai rộng rãi tới người dân. - Nâng cao chất lượng phục vụ khám, chữa bệnh ở tuyến cơ sở.	Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất	Sở Y tế	Sở Y tế; các đơn vị trực thuộc Sở
		Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục tiểu học công lập; tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin của người dân đối với cơ sở vật chất, học phí, chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên của các trường trên địa bàn, xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực, thông tin, công khai rộng rãi tới người dân	Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện, cấp xã
4.3	Công bằng trong tuyển dụng khu vực công	- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tuyển dụng. Tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin tố giác, phản ánh; xử lý kịp thời; công khai kết quả xử lý tiêu cực trong tuyển dụng công chức, viên chức. - Thực hiện việc tuyển dụng công chức phải đảm bảo các nguyên tắc: Công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.	- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban Giám sát tuyển dụng. - Công khai cho người dân biết các bước theo quy định trong tuyển dụng.	Sở Nội vụ, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ, Thanh tra thành phố, UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.
4.4	Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương	- Tăng cường tuyên truyền tới người dân về những nỗ lực của chính quyền, những kết quả đạt được trong công tác phòng chống tham nhũng, tạo sự tin tưởng trong người dân về quyết tâm phòng chống tham	- Thực hiện tuyên truyền trên các cơ quan báo chí của thành phố, Đài truyền thanh cấp xã, Bảng tin công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở...	Thanh tra thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành, UBND	Các Sở, ban, ngành UBND cấp xã; thôn/tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở.

		những của chính quyền tỉnh, các cấp, các ngành. - Tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin của người dân về hiện tượng tham nhũng, xác minh, xử lý kịp thời. - Công khai rộng rãi, kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng.	- Thông qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	cấp huyện, cấp xã	
5	Thủ tục hành chính công				
	- Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền. - Dịch vụ cấp phép xây dựng. - Dịch vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Dịch vụ hành chính cấp xã	- Thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Đảm bảo 100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình. - Tuyên truyền, hỗ trợ người dân tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi làm thủ tục hành chính. - Tăng cường kiểm tra Bộ phận Một cửa và giải quyết thủ tục hành chính ở cấp xã.	- Thực hiện công khai cho người dân biết rõ quy trình giải quyết thủ tục hành chính. - Đo lường sự hài lòng của người dân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận Một cửa các cấp.	Văn phòng UBND thành phố; UBND cấp huyện, cấp xã.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn thành phố.
6	Cung ứng dịch vụ công				
6.1	Dịch vụ y tế công lập	Tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lợi ích, vai trò, ý nghĩa, tính nhân văn, ưu việt của chính sách bảo hiểm y tế để người lao động và nhân dân hiểu được giá trị thiết thực khi tham gia BHYT, từ đó tích cực chủ động tham gia BHYT. - Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở	- Thực hiện cung cấp thông tin trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã Bảng tin công cộng, Bản tin thông tin cơ sở... - Thông tin qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Y tế, UBND cấp huyện, cấp xã	Bảo hiểm xã hội thành phố; Sở Y tế; UBND cấp huyện, cấp xã; thôn, tổ dân phố.

		cơ sở y tế công lập tuyến huyện, trong đó chú trọng các vấn đề bảo hiểm y tế, miễn giảm cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi.			
6.2	Giáo dục tiểu học	- Tuyên truyền về quy định miễn học phí cho học sinh các cấp trường công lập tại thành phố, bao gồm học sinh tiểu học (không kể những khoản đóng góp xây dựng trường và các khoản đóng góp khác). - Nâng cao chất lượng dạy và học giáo dục tiểu học công lập. - Khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục. - Cải thiện các điều kiện cơ sở vật chất cơ bản phục vụ dạy và học trong nhà trường.	- Thực hiện cung cấp thông tin trên Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã Bảng tin công cộng, Bản tin thông tin cơ sở... - Thông tin qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý. - Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường và phụ huynh.	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện, cấp xã; thôn/tổ dân phố
6.3	Cơ sở hạ tầng căn bản	Đảm bảo thường xuyên, chất lượng trong cung ứng điện sinh hoạt cho người dân.	Hạn chế tối đa việc cắt điện, nếu có phải công bố công khai lịch cắt điện và thực hiện đúng theo lịch	Sở Công thương, UBND cấp huyện, cấp xã; thôn/tổ dân phố	UBND cấp huyện, cấp xã; thôn/tổ dân phố
		Tập trung chỉ đạo đầu tư nâng cấp hệ thống chiếu sáng, cải tạo, bê tông hóa các tuyến đường giao thông nông thôn.	Triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư, phát triển giao thông nông thôn.	UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã
		Tiếp tục thực hiện việc cung cấp nước sạch cho người dân theo Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Đầu tư mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch. Cung cấp nước đạt chất lượng, đủ lượng phục vụ nhân dân.	Thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện, cấp xã

6.4	An ninh trật tự	Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh, trật tự tại địa bàn dân cư, kiểm chế sự gia tăng của các loại tội phạm; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống các loại tội phạm về tệ nạn xã hội; kịp thời phát hiện, triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; phát huy vai trò của người dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; tăng cường lực lượng tuần tra, bảo vệ địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm an ninh, trật tự.	- Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy. - Đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân nâng cao cảnh giác, tố giác tội phạm	Công an thành phố	Công an thành phố; UBND cấp huyện, cấp xã
7	Quản trị môi trường				
7.1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về bảo vệ môi trường, tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và khí tượng thủy văn cho các cán bộ phụ trách các cấp và chủ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố. - Thường xuyên theo dõi, xử lý kịp thời những phản ánh của người dân về các vấn đề môi trường bức xúc tại địa phương.	- Thực hiện tuyên truyền trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã. Bảng tin công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở... - Tuyên truyền qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã; thôn, tổ dân phố
7.2	Chất lượng nước, chất lượng không khí	- Thường xuyên phổ biến và công bố rộng rãi hiện trạng chất lượng môi trường, những vấn đề người dân quan tâm như chất lượng nguồn nước, chất lượng không khí trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của địa phương để người dân biết.	- Thực hiện tuyên truyền trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã. Bảng tin công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở... - Tuyên truyền qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã; thôn, tổ dân phố

		- Triển khai thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý nước thải tại khu dân cư.	trong khu vực quản lý. - Vận động người dân hưởng ứng tham gia thực hiện thu gom và xử lý nước thải; phân loại rác thải tại nguồn		
8	Quản trị điện tử				
8.1	Tiếp cận cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương	- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền và hướng dẫn cho người dân biết sử dụng Cổng thông tin điện tử của địa phương. - Tăng cường trao đổi, cung cấp thông tin hai chiều giữa các cơ quan nhà nước với nhân dân qua Cổng thông tin điện tử ở địa phương.	Giới thiệu hướng dẫn người dân về cách sử dụng Cổng thông tin điện tử của địa phương thông qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã; thôn, tổ dân phố
8.2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành vi sử dụng mạng Internet hiệu quả, văn minh, đúng pháp luật.	- Thực hiện tuyên truyền trên Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã. Bảng tin công cộng, Bảng tin thông tin cơ sở... - Tuyên truyền qua mạng xã hội như: Facebook, nhóm Zalo các hộ gia đình, hội nhóm trong khu vực quản lý.	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã; thôn, tổ dân phố
8.3	Phúc đáp qua Cổng thông tin điện tử	- Đảm bảo đăng tải kịp thời phản hồi của UBND cấp huyện, cấp xã đối với các vấn đề khúc mắc của cá nhân, tổ chức trên Cổng thông tin điện tử. - Nâng cấp, mở rộng, nâng cao chất lượng các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân: Cổng Dịch vụ công, Hệ thống Một cửa điện tử, kênh tương tác trực tuyến.	Triển khai thực hiện đúng theo quy định.	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND thành phố; UBND cấp huyện, cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã